TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ - ST
Ngày 13/4/2022
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Bách
2. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái *tham gia phiên tòa*: Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2021/TLST - HNGĐ ngày 08/12/2021 về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 02/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 38/TB-TA ngày 29/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Ngọc T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ X, thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái.Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lò Văn Th, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Đào Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Lò Văn Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 19/10/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng không sống chung với nhau, chưa tổ chức đám cưới. Quá trình chị T mang thai và sinh con đến nay là 39 tháng chị nuôi con một mình, tháng 01/2019 anh Th đi chấp hành án phạt tù thời gian 3 năm vì gây tai nạn giao thông, khi ra tù anh Th xuống B làm công nhân cơ khí. Vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung là Lò Đức T2, sinh ngày 25/8/2018, con chung ở với chị từ nhỏ. Sau ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi

con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, chị có thu nhập đảm bảo để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lò Văn Th trình bày: Anh và chị T đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày, vợ chồng về chung sống đến tháng 15/01/2019, giữa vợ chồng không có gì mâu thuẫn cãi vã, tự dưng vợ bỏ về bên nhà ngoại được một thời gian chưa biết nguyên nhân là gì, nay chị T xin ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Chị T và anh Th 01 con chung là Lò Đức T2, sinh ngày 25/8/2018. Anh Th cho rằng chị T không đủ khả năng nuôi con, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Ngày 10/02/2022 Tòa án đã tiến hành thủ tục tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên hòa giải anh Th trình bày giữa anh chị có mâu thuẫn do trong cuộc sống chưa hiểu nhau, việc anh chấp hành hình phạt tù là trách nhiệm với nhà nước do phạm tội về giao thông không cố ý, anh cũng đã cố gắng đoàn tụ nhưng không hàn gắn được tình cảm gia đình nên chị T đề nghị ly hôn anh đồng ý; về nuôi con chung chị T, anh Th đều có nguyện vọng nuôi con chung sau ly hôn, không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng. Do không nhất trí để cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh Th đã tự ý bỏ về, không ký xác nhận vào các biên bản đã được lập.

Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2022 tổ trưởng tổ dân phố 05 thị trấn nông trường L, huyện V, tỉnh Yên Bái cho biết: Chị T và anh Th kết hôn năm 2018, sau kết hôn vợ chồng sống tại tổ dân phố Đồng Ban, thị trấn Sơn Thịnh đến khi chị T mang thai gần đến tháng đẻ thì bỏ về nhà ngoại sinh con và ở luôn đến bây giờ. Hiện nay con chị T được bà ngoại và chị T chăm sóc, đang theo học tại trường mầm non Sơn A, chị T đang đi làm ở Bắc Ninh, điều kiện gia đình chị T ổn định, đủ điều kiện chăm sóc con.

Tại biên bản xác minh ngày 02/3/2022 tổ trưởng tổ dân phố Đồng Ban, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái cho biết: Chị T và anh Th kết hôn năm 2018 nhưng chưa tổ chức đám cưới, sau kết hôn thì sống tại tổ dân phố Đồng Ban đến gần ngày sinh con thì về nhà ngoại. Anh Th ở địa phương không may gây tai nạn giao thông nên phải chấp hành hình phạt tù đến tháng 11/2021 thì trở về địa phương, nhưng không thấy anh Th và chị T ở cùng nhau. Tại địa phương anh Th là lao động tự do, trước tết có đi làm ăn xa, gần đây thì ở nhà chăm sóc mẹ bị tai nạn giao thông gẫy chân. Gia đình anh Th thuộc hộ nghèo ở địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/02/2022 anh Th đồng ý ly hôn với chị T, về con chung anh Th không nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên đã bỏ về không ký vào các biên bản do Tòa án lập,

không có mặt khi được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn; căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lò Văn Th là bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Lò Văn Th vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Đào Thị Ngọc T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Ngọc T và anh Lò Văn Th đăng ký kết hôn ngày 19/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh Th được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị T và anh Th đều xác nhận sau kết hôn vợ chồng sống chung đến tháng 01/2019 thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay vợ chồng sống ly thân, tại phiên hòa giải anh Th đã nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị T. Do anh Th không nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên không ký vào các biên bản được Tòa lập theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh Th và Chị T có 01 con chung là Lò Đức T2, sinh ngày 25/8/2018. Chị T, anh Th đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng. Để minh chứng cho yêu cầu của mình chị T cung cấp 01 bản sao chứng thực hợp đồng lao động giữa chị với Công ty TNHH X, bảng lương tháng 9 và 10/2021 với mức thu nhập là 8.932.000 đồng. Chính quyền địa phương nơi anh Th cư trú xác nhận anh là lao động tự do tại địa phương, trước tết có đi làm ăn xa, gần đây thì ở nhà chăm sóc mẹ bị tai nạn giao

thông gẫy chân. Gia đình anh Th thuộc hộ nghèo ở địa phương. Xét thấy chị T và anh Th đều là người lao động có thu nhập, có điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Cho đến ngày xét xử cháu Lò Đức T2 đã đủ 36 tháng tuổi, nhưng đến nay cháu vẫn còn ở lứa tuổi mầm non, cháu Tiến đang có nơi cư trú và học tập ổn định cùng chị T. Để đảm bảo việc chăm lo, giáo dục con trẻ phát lành mạnh về thể chất, trí tuệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ và con chưa thành niên, cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do chị T không yêu cầu nên không buộc anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đào Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử cho chị **Đào Thị Ngọc T** được ly hôn với anh **Lò Văn Th**.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lò Đức T2, sinh ngày 25/8/2018, anh Lò Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0000840 ngày 08/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị Ngọc T, anh Lò Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Sơn Thịnh;
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh